

Số: 106 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Fully Wind Investment VN ngày 20 tháng 7 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 3448/TTr-CCBVMT ngày 04 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Fully Wind Investment VN, địa chỉ trụ sở chính tại Lô E', đường D6, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư "Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm từ gỗ và nhà xưởng cho thuê" có địa chỉ tại Lô E', đường D6, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm từ gỗ và nhà xưởng cho thuê.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô E', đường D6, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành

viên, Mã số doanh nghiệp 3702730115 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, cấp chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 12 năm 2018.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5427580964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2018.

1.4. Mã số thuế: 3702730115.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ: Giường, tủ, bàn, ghế, kệ.
- Cho thuê nhà xưởng: Ngành nghề của đơn vị thuê xưởng phù hợp với ngành nghề được phép tiếp nhận theo phân khu quy hoạch của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 và không gây ô nhiễm chéo đối với hoạt động sản xuất của dự án, cụ thể: gia công sản phẩm gỗ, đồ gỗ gia dụng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Phạm vi: Tổng diện tích dự án 45.307,3m², trong đó:

- Nhà xưởng 1 (*sản xuất các sản phẩm từ gỗ*): 6.380m².
- Nhà xưởng 2 (*sản xuất các sản phẩm từ gỗ*): 6.380m². Trong đó: bố trí kho chứa chất thải nguy hại 50m², kho chứa chất thải rắn thông thường 120m² và kho chứa chất thải rắn sinh hoạt 10m².
- Nhà xưởng 3 (*cho thuê*): 5.940m².
- Nhà xưởng 4 (*cho thuê*): 5.940m².
- Nhà văn phòng: 360m².
- Khu phụ trợ (*nhà ăn, nhà bảo vệ, trạm điện, nhà xe 2 bánh, nhà vệ sinh, nhà xe 4 bánh, tháp nước*): 2.090,25m².
- Khu các công trình bảo vệ môi trường (hệ thống xử lý bụi gỗ, nhà chứa bụi gỗ): 46 m².
- Bể PCCC: 160m² (*dung tích 480 m³*).
- Cây xanh: 9.061,46m².
- Lối đi, sân bãi: 8.949,59m².

Các đơn vị thuê xưởng sẽ dùng chung hạ tầng bao gồm khu phụ trợ (*nhà ăn, nhà bảo vệ, trạm điện, nhà xe 2 bánh, nhà vệ sinh, nhà xe 4 bánh, tháp nước*) và bể PCCC.

1.6.2. Quy mô:

- Dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công*). Dự án thuộc loại hình dự án đầu tư mới.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.6.3. Công suất:

- Công suất:

+ Sản xuất các sản phẩm từ gỗ: 1.926 tấn sản phẩm/năm (*sản xuất giường: 466 tấn sản phẩm/năm, tủ: 165 tấn sản phẩm/năm, bàn: 375 tấn sản phẩm/năm; ghế: 200 tấn sản phẩm/năm; kệ: 720 tấn sản phẩm/năm*).

+ Cho thuê nhà xưởng với diện tích 11.880m².

- Quy trình công nghệ sản xuất của dự án: Nguyên liệu → Cưa, cắt → Ghép phối → Phay bào → Khoan, Đánh mộng → Chà nhám → Kiểm tra → Sơn → Lắp ráp → Kiểm tra chất lượng sản phẩm và đóng gói → Thành phẩm, lưu kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Fully Wind Investment VN được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Fully Wind Investment VN có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.6. Cam kết sẽ tuân thủ tháo dỡ nhà xưởng và các công trình liên quan khi bị ảnh hưởng bởi quy hoạch tuyến đường sắt Dĩ An – Lộc Ninh.

2.7. Đề nghị đơn vị thuê nhà xưởng của Công ty lập hồ sơ môi trường phù hợp với ngành nghề hoạt động.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 09 tháng 8. năm 2023 đến ngày 09 tháng 8....năm 2033).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án đầu tư “Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm từ gỗ với công suất 1.926 tấn sản phẩm/năm và nhà xưởng cho thuê với tổng diện tích 11.880 m²” tại lô E’, đường D6, Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, Phường Phú Chánh, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Fully Wind Investment VN theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Fully Wind Investment VN;
- Sở Xây dựng;
- UBND thành phố Tân Uyên;
- UBND phường Phú Chánh;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, T.Giang5.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 106 /GPMT-STNMT ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (nước thải của dự án đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Mạng lưới thu gom, thoát nước thải: Nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh qua bể tự hoại 03 ngăn (04 bể với tổng thể tích 120 m^3) và Nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp, lavabo, nước thải tắm giặt được thu gom bằng hệ thống ống uPVC D90mm, D114mm, D168mm, D250mm, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 tại 02 hố ga trên đường D6 (tiếp giáp phía Đông của dự án), để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

- Tọa độ hố ga số 01: X (m) = 1.225.031,099; Y (m) = 604.514,736.

- Tọa độ hố ga số 02: X (m) = 1.225.190,882; Y (m) = 604.514,223.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiều 3^0).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải đen sau bể tự hoại 03 ngăn (04 bể với tổng thể tích 120 m^3) + Nước thải xám → Hố ga → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

- Tổng thể tích của các bể tự hoại 120 m^3 .

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Nước thải sinh hoạt sau các bể tự hoại của dự án sẽ xả thải vào hệ thống thu gom



nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Do đó, dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án, đảm bảo đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Phú Chánh 1, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Nước thải sau xử lý tại dự án đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1 đảm bảo không vượt quá điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Phú Chánh 1.

3.5. Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **106** /GPMT-STNMT ngày **09** tháng **8** năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Bụi sơn, hơi dung môi từ buồng sơn số 01.
- Nguồn số 02: Bụi sơn, hơi dung môi từ buồng sơn số 02.
- Nguồn số 03: Bụi gỗ từ các công đoạn sản xuất như cưa, cắt, phay, bào, khoan,... (tại nhà xưởng số 01).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí 01 (Dòng khí thải số 01): Tại ống thải thiết bị hấp phụ than hoạt tính số 01. Tọa độ: X (m) = 1.225.043,186; Y (m) = 604.450,960.
- Vị trí 02 (Dòng khí thải số 02): Tại ống thải thiết bị hấp phụ than hoạt tính số 02. Tọa độ: X (m) = 1.225.030,895; Y (m) = 604.451,000.
- Vị trí 03 (Dòng khí thải số 03): Tại ống thải sau thiết bị lọc bụi tay áo. Tọa độ: X (m) = 1.225.147,590; Y (m) = 604.429,379.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 16.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 16.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục (24/24 giờ).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $K_p=1$, $K_v=0,8$ và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	Dòng khí thải số 01, 02				
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	06 tháng/lần	

Trang 3/17

2	Butyl Acetate	mg/Nm ³	950		Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
3	Xylen	mg/Nm ³	870		
II Dòng khí thải số 03					
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý bụi và khí thải:

- Nguồn số 01, 02: Bụi sơn, hơi dung môi từ công đoạn sơn được thu gom bằng 02 quạt hút ly tâm (lưu lượng 8.000 m³/giờ/quạt), xử lý bằng màng lọc bụi sơn sợi thủy tinh và thiết bị hấp phụ than hoạt tính, thải ra môi trường thông qua ống thải cao 8m, đường kính D500mm.

- Nguồn số 03: Bụi gỗ từ các công đoạn sản xuất được thu gom bằng quạt hút ly tâm (lưu lượng 15.000 m³/giờ) qua các đường ống thu gom (làm bằng vật liệu sắt mạ kẽm D100mm, D350mm, D500mm, D900mm) về hệ thống xử lý bụi gỗ, xử lý bằng Cyclone và thiết bị lọc bụi tay áo, thải ra môi trường nhờ quạt thải (lưu lượng 15.000 m³/giờ) thông qua ống thải cao 10m, đường kính D650mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị thu gom, xử lý bụi sơn, hơi dung môi từ công đoạn sơn:
Số lượng công trình: 02, có cùng quy trình công nghệ, cụ thể như sau:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi sơn, hơi dung môi → Màng lọc bụi sơn sợi thủy tinh → Quạt hút ly tâm (lưu lượng 8.000 m³/giờ) → Thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính (kích thước 0,5m×0,5m×0,5m) → Ống thải cao 8m, đường kính D500mm (làm bằng vật liệu CT3).

- Chế độ vận hành: liên tục.

- Tổng công suất thiết kế: 16.000 m³/giờ/công trình.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Màng lọc bụi sơn vật liệu bằng sợi thủy tinh với khối lượng 18 kg/năm, tần suất thay 03 lần/năm.

+ Than hoạt tính với khối lượng 2.025 kg/năm, tần suất thay than 18 lần/năm (20 ngày/lần).

- Số lượng ống thải: 02.

1.2.2. Công trình, thiết bị thu gom, xử lý bụi gỗ bằng lọc bụi tay áo:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi gỗ từ quá trình sản xuất → Chụp hút → Đường ống thu gom bằng vật liệu sắt mạ kẽm (D100mm, D350mm, D500mm, D900mm) → Quạt hút ly tâm (lưu lượng 15.000 m³/giờ) → Cyclone → Thiết bị lọc bụi tay áo → Quạt thải (lưu lượng 15.000 m³/giờ) → Ống thải cao 10m, D650mm (làm bằng vật liệu sắt mạ kẽm).

- Chế độ vận hành: liên tục.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

- Số lượng ống thải: 01.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, Cyclone, thiết bị lọc bụi tay áo, quạt hút, quạt thải theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: dự kiến vận hành trong 06 tháng (từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 03 năm 2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí số 01: Tại ống thải số 01 (sau thiết bị hấp phụ than hoạt tính số 01). Tọa độ: X (m) = 1.225.043,186; Y (m) = 604.450,96.

- Vị trí số 02: Tại ống thải số 02 (sau thiết bị hấp phụ than hoạt tính số 02). Tọa độ: X (m) = 1.225.030,895; Y (m) = 604.451.

- Vị trí số 03: Tại ống thải số 03 (sau thiết bị lọc bụi tay áo). Tọa độ: X (m) = 1.225.147,590; Y (m) = 604.429,379.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải:

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn hiệu chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý khí thải).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy mẫu bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả thải ra môi trường của công trình xử lý bụi, khí thải).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành hệ thống xử lý khí thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **106** /GPMT-STNMT ngày **09** tháng **8** năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực sản xuất nhà xưởng 1.
- Nguồn số 02: Khu vực sản xuất nhà xưởng 2.
- Nguồn số 03: Tại công trình xử lý bụi gỗ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tại công trình xử lý bụi gỗ. Tọa độ X (m) = 1.225.147,590; Y (m) = 604.429,379
(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành.
- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.
- Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết.
- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ.

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung cho công nhân:

+ Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.

+ Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.

+ Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với thiết bị có công suất lớn, lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn. Cách ly những thiết bị phát ra độ rung lớn bằng những rãnh cách xung quanh móng máy.

- Kiểm tra thường xuyên và sửa chữa kịp thời các chi tiết máy bị mòn và hư hỏng hoặc gia công các chi tiết máy đặc biệt để khử rung.

- Trồng cây xanh xung quanh Nhà máy để giảm thiểu tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **106** /GPMT-STNMT ngày **09** tháng **8** năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

- Chất thải phát sinh từ hoạt động chế biến gỗ của Công ty TNHH Fully Wind Investment VN.

- Chất thải phát sinh từ hoạt động cho thuê nhà xưởng không nằm trong nội dung giấy phép này (được đánh giá trong hồ sơ môi trường của từng dự án thuê nhà xưởng).

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu
1	Son thải	40	Rắn	08 01 01	KS
2	Hộp chứa mực in thải	03	Rắn	08 02 04	KS
3	Keo thải	58	Lỏng	08 03 01	KS
4	Than hoạt tính thải từ hệ thống xử lý khí thải	2.585	Rắn	12 01 04	NH
5	Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải	10	Rắn	16 01 06	NH
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	10	Lỏng	17 02 04	NH
7	Thùng đựng dầu nhớt, đựng sơn và dung môi bằng kim loại thải	120	Rắn	18 01 02	KS
8	Thùng đựng keo bằng nhựa thải	87	Rắn	18 01 03	KS
9	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	100	Rắn	18 02 01	KS
	Màng hấp thụ bụi sơn thải	298			
10	Ắc quy chì thải	5	Rắn	19 06 01	NH
Tổng khối lượng		3.316			

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bụi gỗ, bụi ván, mùn cưa	09 01 03	542
2	Gỗ vụn, ván vụn, dăm bào		334.800
3	Giấy nhám thải	07 03 18	300
4	Ngũ kim hư hỏng		25
5	Bao bì nylon hỏng	18 01 06	100
6	Dây đai thải		50
7	Thùng carton hỏng	18 01 05	100
8	Giấy văn phòng thải		50
9	Pallet hỏng	18 01 07	200
Tổng khối lượng			336.167

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khi dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân bao gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn, ...*); chất thải thực phẩm (*rau quả, thực phẩm thừa, ...*), chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý với khối lượng khoảng 78 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 02 thùng chứa loại 60 lít (*lưu trữ hộp chứa mực in thải; ắc quy chì thải*); 03 thùng chứa loại 120 lít (*lưu trữ sơn thải; keo thải; bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải*); 02 thùng chứa loại 240 lít (*lưu trữ giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; màng hấp thụ bụi sơn thải*); 03 thùng chứa loại 660 lít (*lưu trữ than hoạt tính thải; thùng đựng dầu nhớt, đựng sơn và dung môi bằng kim loại thải; thùng đựng keo bằng nhựa thải*) có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại. Riêng các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác được chứa lại trong các thùng chứa của nhà cung cấp.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho diện tích 50m² (*nằm trong nhà xưởng 2*).

- Thiết kế, cấu tạo kho: Vách tường; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích

thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy;... theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 01 thùng chứa loại 60 lít (*lưu trữ ngũ kim hư hỏng*); 01 thùng chứa loại 120 lít (*lưu trữ giấy nhám thải*); 02 thùng chứa loại 240 lít lưu trữ bao bì nylon hỏng, dây đai thải; thùng carton hỏng, giấy vụn phòng thải; 04 thùng chứa loại 660 lít (*lưu trữ bụi gỗ, bụi ván, mùn cưa; gỗ vụn, ván vụn, dăm bào*).

2.2.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho diện tích 120m² (*nằm trong nhà xưởng 2*).
- Thiết kế, cấu tạo: Tường bao quanh; mái lợp tôn; nền chống thấm; có gắn bảng tên các loại chất thải lưu chứa.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 07 thùng chứa loại 20 lít (*khu vực nhà bảo vệ, nhà vệ sinh*); 05 thùng chứa loại 60 lít (*khu vực nhà văn phòng, nhà ăn*); 02 thùng chứa loại 120 lít (*khu vực xưởng sản xuất*); 02 thùng chứa loại 240 lít (*tại kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung*).

2.3.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho diện tích 10m² (*nằm trong nhà xưởng 2*).
- Thiết kế, cấu tạo: Tường bao quanh; mái lợp tôn; nền chống thấm; có gắn bảng tên các loại chất thải lưu chứa.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh và Ban

chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Tân Uyên theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Phú Chánh nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **106** /GPMT-STNMT ngày **09** tháng **8** năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)



1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
5. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
6. Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo quy định.
9. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.